

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**



**ĐỀ ÁN
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2020**

THÀNH PHỐ CHÍ LINH, NĂM 2020

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2020

I. Thông tin chung

1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

- Tên trường: Trường Đại học Sao Đỏ

- Sứ mệnh: Đào tạo gắn với nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ. Học đi đôi với hành, lý thuyết gắn với thực tế, Nhà trường gắn với doanh nghiệp. Sinh viên ra trường có sức khỏe; năng lực và kỹ năng toàn diện; tự tin, sáng tạo; có việc làm thu nhập ổn định và cơ hội thăng tiến.

- Địa chỉ:

+ Cơ sở 1: 24 Thái Học 2, Phường Sao Đỏ, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương.

+ Cơ sở 2: Số 72 – Đường Nguyễn Thái Học/Quốc lộ 37, Phường Thái Học, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương.

- Website: saodo.edu.vn

2. Quy mô đào tạo chính quy

STT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo							Tổng
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII	
I.	Chính quy								
1	Sau đại học								
1.1	Thạc sĩ								
1.1.1	Kỹ thuật điện tử					20			20
2	Đại học								
2.1	Kế toán			245					245
2.2	Công nghệ thông tin					272			272
2.3	CNKT cơ khí					558			558
2.4	CNKT ô tô					678			678
2.5	CNKT điện, điện tử					732			732
2.6	CNKT điện tử – viễn thông					166			166
2.7	Công nghệ thực phẩm					112			112

STT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo							Tổng
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII	
2.8	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá					406			406
2.9	Công nghệ may					299			299
2.10	Ngôn ngữ Anh							161	161
2.11	Ngôn ngữ Trung Quốc							278	278
2.12	Việt Nam học							122	122
2.13	Quản trị kinh doanh			147					147
3	Đào tạo chính quy đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên								
3.1	Ngôn ngữ Anh							54	54

3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Năm 2018, 2019 trường thực hiện xét tuyển theo 2 phương thức:

Phương thức 1: Xét tuyển Đại học chính quy dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia.

Phương thức 2: Xét tuyển Đại học chính quy dựa trên kết quả học tập THPT (theo học bạ) của thí sinh.

3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Khối ngành/Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh - 2			Năm tuyển sinh - 1		
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
Nhóm ngành III						
Kế toán	65	62	14.0	50	48	14.5
Quản trị kinh doanh	65	58	14.0	35	29	14.5
Nhóm ngành V						
CNKT cơ khí	100	98	14.0	190	188	
CNKT ô tô	110	106	15.0	245	236	15.5
CNKT điện, điện tử	180	171	14.0	150	148	14.5

Khối ngành/Ngành/Nhóm ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh - 2			Năm tuyển sinh - 1		
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
CNKT điện tử, viễn thông	80	72	14.0	35	22	15.0
Công nghệ thông tin	80	78	14.0	60	58	14.5
Công nghệ thực phẩm	50	23	14.0	45	42	14.5
Công nghệ dệt, may	80	78	14.0	65	62	14.5
Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	90	87	14.0	145	142	15.0
Nhóm ngành VII						
Việt Nam học	50	46	14.0	45	32	14.5
Ngôn ngữ Anh	50	48	14.0	45	28	14.5
Ngôn ngữ Trung Quốc	100	89	14.0	90	84	14.5
Tổng cộng	1100	1016		1200	1119	

II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 25,4 ha
- + Cơ sở 1: 4,5 ha
- + Cơ sở 2: 20,9 ha
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 480 chỗ ở.
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy:

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1.	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	119	7219
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	02	1220
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	02	312
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	18	1134
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	31	1569
1.5	Số phòng học đa phương tiện	05	465
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	61	2519
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	02	824
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	75	6795
	Tổng	196	14838

1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
1	Phòng thí nghiệm vật liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Máy thử độ cứng Rocwell model: 1k2m - Máy thử độ cứng Brinell model: tw-2m - Lò nung điện trở - Kính hiển vi quang học olympus - Máy mài bóng - Bàn thí nghiệm, thùng chứa dung dịch - Bộ mẫu vật liệu. - Máy quang phổ UV-vis 	Ngành CNKT Cơ khí
2	Phòng thí nghiệm sức bền vật liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Máy kéo nén vạn năng WEW-600B - Bộ mẫu vật liệu - Dụng cụ phụ - Máy tính, máy in 	Ngành CNKT Cơ khí
3	Phòng thực hành/thực nghiệm đo lường	<ul style="list-style-type: none"> - Máy đo tọa độ CMM-3D - Máy đo độ nhám SJ-210 - Thước cặp, thước cặp điện tử - Panme, Panme điện tử, Calip - Thước đo góc vạn năng - Đồng hồ so - Thiết bị đo bằng laser - Máy tính, máy in 	Ngành CNKT Cơ khí
4	Phòng thực hành/thực nghiệm Cơ-Điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Mô hình hệ thống sản xuất linh hoạt và tích hợp (FMS&CIM) - Mô hình Robot SCARA 3 bậc tự do - Mô hình hệ thống lái tàu thủy Điện-Thủy lực. - Mô hình hệ thống băng tải phân loại sản phẩm - Bàn thực hành, máy tính, linh kiện điện tử 	Ngành CNKT Cơ khí

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
5	Phòng thực hành/thực nghiệm cắt gọt kim loại	<ul style="list-style-type: none"> - Máy khoan đứng - Máy khoan cần - Máy Phay đứng - Máy Phay ngang - Máy cưa cần - Máy Tiện - Máy bào ngang - Máy mài phẳng - Máy mài tròn ngoài - Máy mài hai đá - Đồ gá vạn năng - Dụng cụ đo kiểm, dụng cụ phụ 	Ngành CNKT Cơ khí
6	Phòng thực hành/thực nghiệm CNC	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm gia công đứng VMC – 0641 - Máy phay CNC X.mill 900. - Máy gia công xung - Máy tiện CNC CAK – 750 - Máy tiện CNC CJK - Máy tiện băng nghiêng CNC JG-100 - Máy cắt Plasma CNC - Máy cắt dây GS - 3240 - Máy tính, phần mềm. - Máy cắt vải, da bằng laser 	Ngành CNKT Cơ khí
7	Phòng thực hành/thực nghiệm Hàn công nghệ cao	<ul style="list-style-type: none"> - Máy Hàn MAG - Máy Hàn TIG - Máy Hàn điện HQ - Máy cắt đột liên hợp - Máy cắt tôn - Máy cắt Plasma C70 - Máy cắt tự động con rùa - Máy mài hai đá - Robot Hàn 	Ngành CNKT Cơ khí
8	Phòng thực hành CAD/CAM	<ul style="list-style-type: none"> - Máy tính - Phần mềm chuyên dụng 	Ngành CNKT Cơ khí
9	Phòng thực hành Nguội chế tạo-Sửa chữa	<ul style="list-style-type: none"> - Bàn Ê tô - Bộ nguồn, van, xy lanh thủy lực - Bơm bánh răng, cánh gạt, trục vít 	Ngành CNKT Cơ khí

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
		<ul style="list-style-type: none"> - Máy khoan - Máy bào - Máy tiện - Máy mài hai đá - Bàn thực hành, dụng cụ đo kiểm, dụng cụ phụ 	
10	Phòng thí nghiệm điện tử công suất	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị thí nghiệm hệ truyền động biến tần - động cơ - Thiết bị thí nghiệm đóng cắt không tiếp điểm - Bộ thí nghiệm chỉnh lưu không điều khiển dùng đi-ốt - Bộ thí nghiệm chỉnh lưu có điều khiển dùng thyristor - Bộ thí nghiệm ứng dụng bộ điều áp 1 pha và 3 pha trong điều khiển nhiệt độ - Máy hiện sóng PS 400 	CNKT Điện, điện tử và ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
11	Phòng thí nghiệm máy điện	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị thí nghiệm các chế độ làm việc của máy biến áp - Thiết bị thí nghiệm xây dựng đặc tính cơ của động cơ điện 1 chiều - Thiết bị thí nghiệm xây dựng đặc tính cơ của động cơ điện xoay chiều 3 pha - Thiết bị thí nghiệm hệ truyền động thyristor - động cơ - Thiết bị thí nghiệm hệ truyền động máy phát - động cơ - Máy hiện sóng PS 400 	CNKT Điện, điện tử và ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
12	Phòng thí nghiệm khí cụ điện	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị thí nghiệm các mạch điện xoay chiều 1 pha - Thiết bị thí nghiệm mạch điện xoay chiều 1 pha và 3 pha - Thiết bị thí nghiệm tự động điều chỉnh điện áp 	CNKT Điện, điện tử và ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
		<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị thí nghiệm đa năng - Thiết bị thí nghiệm đóng mở cửa tự động 	
13	Phòng thí nghiệm cảm biến và ứng dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị cảm biến - Thiết bị đo, đếm cơ bản - Thiết bị đo, đếm nâng cao - Thiết bị thực hành đo lường mạch điện một chiều. - Thiết bị thực hành đo lường mạch điện xoay chiều - Thiết bị thực hành cảm biến đo lường. - Thiết bị thực hành các thiết bị đo, đếm công nghiệp - Thiết bị thực hành điều khiển động cơ servo - Thiết bị thực hành điều khiển động cơ không đồng bộ rôto dây quấn - Thiết bị thực hành điều khiển tốc độ động cơ điện một chiều (hệ T-Đ). 	CNKT Điện, điện tử và ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
14	Phòng thực hành/thực nghiệm lập trình PLC	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị đào tạo điều khiển PLC cơ bản - Bộ thí nghiệm phân loại sản phẩm - Mô hình robot khí nén khoan và phân loại sản phẩm - Thiết bị đào tạo điều khiển PLC - Nâng cao 	CNKT Điện, điện tử và ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
15	Phòng thực hành/thực nghiệm vi xử lý và vi điều khiển	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị thực hành đóng cắt điều chỉnh tốc độ động cơ điện 1 chiều theo chương trình phụ thuộc cảm biến đầu vào. - Thiết bị thực hành đóng cắt động cơ điện xoay chiều 3 pha 	CNKT Điện, điện tử và ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
		<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị thực hành phân loại và đóng gói sản phẩm theo màu sắc, chiều cao và loại vật liệu. - Module CP 1E -N30DR –A - Màn hình HMI 7.5 inch NB7W-TWOOB PLC Siemens S7-1200 - Thiết bị thực hành VĐK điều khiển dây LED - Thiết bị thực hành VĐK điều khiển LED 7 thanh - Thiết bị thực hành VĐK điều khiển động cơ 1 chiều - Thiết bị thực hành VĐK điều khiển động cơ bước - Thiết bị thực hành VĐK điều khiển giao tiếp LCD - Thiết bị thực hành VĐK điều khiển đo nhiệt độ - Thiết bị thực hành VĐK AVR điều khiển dây LED - Thiết bị thực hành VĐK AVR điều khiển LED 7 thanh - Thiết bị thực hành VĐK AVR điều khiển động cơ 1 chiều - Thiết bị thực hành VĐK AVR điều khiển động cơ bước - Thiết bị thực hành VĐK AVR điều khiển giao tiếp LCD - Thiết bị thực hành VĐK AVR điều khiển đo nhiệt độ 	
16	Phòng thực hành/ thực nghiệm tự động hoá quá trình sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị thực hành PLC tích hợp - Module điều khiển PLC S7-1200 - Module lập chương trình điều khiển hệ khởi động và đảo chiều động cơ KĐB xoay chiều 3 pha. - Module lập chương trình điều khiển chữ số và đèn quảng cáo. - Module lập chương trình điều 	CNKT Điện, điện tử và ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
		<p>khiển đèn tín hiệu giao thông ở ngã tư.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Module lập chương trình điều khiển hệ thống cấp nước tự động từ bể ngầm lên bể chứa. - Module lập chương trình điều khiển hệ sản xuất sản phẩm bằng gia công áp lực. - Module lập chương trình điều khiển băng tải xếp sản phẩm. - Module lập chương trình điều khiển hệ pha trộn dung dịch hóa chất. - Module lập chương trình điều khiển hệ cấp và cân nhiên liệu. - Module lập chương trình điều khiển robot trong dây truyền sản xuất. - Module lập chương trình điều khiển thang máy. - Thiết bị thí nghiệm khởi động mềm động cơ. - Module khởi động từ - Module khởi động mềm - Mô hình robot khí nén khoan và phân loại sản phẩm - Module PLC S7-1200 - Module biến tần - Module role trung gian 	
17	Phòng thực hành/ thực nghiệm điều khiển truyền động điện	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị thực hành điều khiển động cơ bước. - Thiết bị thực hành điều khiển động cơ servo. - Thiết bị thực hành điều khiển khởi động mềm động cơ K ĐB 3 pha. - Thiết bị thực hành điều khiển 	CNKT Điện, điện tử và ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
		<p>động có KĐB Roto dây quấn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị thực hành điều khiển Máy phát Động cơ điện một chiều - Thiết bị thực hành điều khiển tốc độ động cơ một chiều T-Đ. 	
18	Phòng thực hành/thực nghiệm tự động hóa và SCADA	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị đào tạo điều khiển biến tần. - Thiết bị đào tạo điều khiển động cơ bước. - Thiết bị đào tạo điều khiển động cơ servo. - Thiết bị đào tạo điều khiển Zen, Logo. - Thiết bị đào tạo PLC S7- 300 - Thiết bị đào tạo kết nối mạng truyền thông PLC- Biến tần - Màn hình cảm ứng SCADA Mô hình cầu thang máy 4 tầng đk bằng PLC - Mô hình hệ thống cân định lượng - Mô hình điều khiển nhiệt độ. - Bộ ứng dụng điều khiển lò nhiệt - Bộ ứng dụng điều khiển bình trộn - Bộ ứng dụng điều khiển bể mức - Bộ ứng dụng điều khiển giao thông - Bộ thí nghiệm điều khiển quá trình (Process control) - Trạm điều khiển lưu động, điều khiển mức - Mô hình máy CNC - Bộ thí nghiệm PLC S7-400 - Bộ thí nghiệm phân loại sản phẩm theo màu - Mô hình điều khiển hệ thống lô 	CNKT Điện, điện tử và ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
		quần và lô tời - Bộ đào tạo khí nén cơ bản - Bộ đào tạo khí nén nâng cao - Bộ đào tạo điện khí nén cơ bản - Bộ đào tạo điện khí nén nâng cao	
19	Phòng thực hành/thực nghiệm hệ thống điện	- Mô hình hòa đồng bộ máy phát điện 3 pha, trạm biến áp và hệ thống đường dây. - Thiết bị thực hành bảo vệ role, thực hành bảo vệ trạm biến áp, máy điện - truyền động điện, đo lường bù công suất kỹ thuật tương tự. - Hệ thống tự động đóng nguồn dự phòng tủ ATS	CNKT Điện, điện tử và ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
20	Phòng thực hành điều khiển điện-khí nén	- Bộ đào tạo khí nén cơ bản - Bộ đào tạo khí nén nâng cao - Bộ đào tạo điện khí nén cơ bản - Bộ đào tạo điện khí nén nâng cao	CNKT Điện, điện tử và ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
21	Phòng thí nghiệm điện tử cơ bản	- Bộ thí nghiệm đa năng - Máy phát âm tần AG7001C - Máy hiện sóng OS 5030 - Máy đếm tần FC7150 - Bộ nguồn Supply - Máy hiện sóng PS200 - Máy hiện sóng PS400 - Máy hiện sóng OSC 5040 - Máy phát xung đài loan FG32 - Logic Lab Unit - Project 250 - Digital Logic Lab (KL 21001) - Digital Logic Lab (KL 31001) - Microcomputer (KL 61001) - Transitor Checker TCC-480B - Digital IC Tester	CNKT điện tử, viễn thông

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
		<ul style="list-style-type: none"> - Digital Multimeter - AC milivon Meter - Mic Professor Trainerz - Máy phát âm tần 7002 - Đồng hồ số - Logic lab unit PTE- 9200 - Bộ thí nghiệm kỹ thuật logic - Bộ thí nghiệm vi mạch điện tử tuyến tính - Bộ thí nghiệm điều khiển cảm biến bằng vi xử lý 	
22	Phòng thí nghiệm/ thực nghiệm mạng truyền thông công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ PLC chủ - Bộ Biến tần - Bộ IN/OUT - Bộ PLC thực hành - PLC bàn thực hành có tích hợp Profibus - Màn hình HMI-NS - Bộ điều khiển động cơ Servo 	CNKT điện tử, viễn thông
23	Phòng thực hành /thực nghiệm ngành điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ thí nghiệm đo lường ĐK - Bộ phân loại và vận chuyển sản phẩm bằng tay máy công nghiệp - Module kho hàng thông minh - Thiết bị dạy khí nén cơ bản - Module PLC CPM1A-40CDR-D-V1 - Bộ phân loại và đóng gói Sp theo màu sắc, chiều cao và vật liệu dạng băng trượt - Hệ thống đóng nắp chai tự động - Bàn thực hành PLC CPM2C-màn hình HMI - Máy tính đồng bộ FPT Elead - Thiết bị biến đổi A/D 	CNKT điện tử, viễn thông

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
		<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị biến đổi D/A - Bộ vào ra số - Trạm gia công cơ khí khoan - Trạm lưu trữ băng trượt - Trạm vận chuyển khớp quay - Trạm đo chiều cao - Trạm cấp phôi - Bộ đo nhiệt độ E5CSZ - Cân nhiệt - Encoder E6A2-CW23C - Trạm phân loại và vận chuyển SP - Cảm biến áp suất - Động cơ bước - Động cơ DC-Encoder - Mô hình tay máy công nghiệp - Máy tính E70i - Hệ thực hành ĐK động cơ VN (Điều chỉnh tốc độ động cơ) - Hệ thống đo lường và điều khiển tốc độ ánh sáng - Hệ thực hành hệ thống tự động điều chỉnh VN (Điều chỉnh điện áp tự động) - Thiết bị dạy thủy lực cơ bản - Thiết bị dạy đo lường cảm biến - Cảm biến hồng ngoại - Cảm biến cáp quang - Cảm biến vòng quay - Cảm biến dịch chuyển; Cảm biến từ - Cảm biến thông minh - Cảm biến siêu âm - Cảm biến quang điện - Cảm biến nhiệt độ - Cảm biến áp suất - Mô hình đóng nút chai tự động 	

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
		PLC CPM1A 30CDR - Bàn thực hành PLC PLC CPM1A-40CDR - Màn hình MHI-Omron-NTS11 - PLC CPM1A-20CDR - PLC CPM1E-40CDR - Động cơ 3 pha 0.75Kw - Biến tần 3G3JV - Biến tần 3G3MV - Bộ lập trình cầm tay Omron - Máy nén khí 1/2HP	
24	Phòng thực hành ngành Công nghệ thông tin	- Máy chủ HP Prolaint ML10 Server - Máy trạm HP Compaq Elite 8300 small - Thiết bị router CISCO 2901 - Thiết bị switch (chuyển mạch) Layer 2 - Cisco Catalyst 2960 - X switch - Thiết bị switch cho phòng máy chủ: SISCO Catalyst 3560 v2 switch - Thiết bị switch (chuyển mạch) Layer 3 Cisco Catalyst 3570 - X switch - Tủ rack - Thiết bị wifi - Thiết bị switch 24 port - Thiết bị test mạng - Máy vi tính	Công nghệ thông tin
25	Phòng thí nghiệm ô tô	- Bộ kiểm tra phanh cho xe du lịch và xe tải nhẹ - Bộ nâng bằng khí nén hỗ trợ xe ra vào kiểm tra phanh - Bộ cảm biến cân trọng lượng tự động, lắp cho bộ kiểm tra phanh. - Máy tính + máy in+ phần mềm PICARO II - Thiết bị kiểm tra giảm chấn dùng cho xe du lịch và xe tải nhẹ -Code:	CNKT ô tô

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
		90155 - Thiết bị kiểm tra trượt ngang dùng cho xe du lịch và xe tải nhẹ - Model: AT1002 (Code: 90251) - Thiết bị kiểm tra góc đặt bánh xe 8 cảm biến quang học-Model: R pac Premium Plus - Cầu nâng 4 trụ dùng cho kiểm tra góc đặt bánh xe Model: GC-4.5F4 - Máy nén khí hiệu Puma Đà Loan - Động cơ TOYOTA EFI - Ô tô TOYOTA CAMRY - Bộ dụng cụ đồ nghề tháo lắp, sửa chữa ô tô + Bộ dụng cụ 154 chi tiết + Tủ 7 tầng ngăn kéo	
26	Phòng thí nghiệm động cơ ô tô	- Thiết bị phân tích tổng hợp điện động cơ ô tô (ITALIA) - Động cơ TOYOTA - Động cơ TOYOTA EFI - Bộ thí nghiệm thực hành sửa chữa động cơ loại phun xăng điện tử, đánh lửa trực tiếp - Bộ thí nghiệm thực hành sửa chữa động cơ xăng - Bộ thí nghiệm thực hành sửa chữa động cơ loại 4 kỳ nổ dùng nhiên liệu phun xăng điện tử - Bộ thí nghiệm thực hành sửa chữa động cơ loại 4 kỳ phun diesel điện tử	CNKT ô tô
27	Phòng thí nghiệm điện ô tô	- Bảng thử điện ô tô vạn năng Liên Xô-8127383 - Hệ thống phun xăng điện tử KFZ 2001D - Hệ thống đánh lửa HPZ - 2002 D - Hệ thống tín hiệu chiếu sáng KPZ - 2003D	CNKT ô tô

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
		<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống phanh chống bó cứng KPZ - 2004D - Thiết bị khảo sát phun xăng điện tử - Mô hình hệ thống điện tổng hợp ô tô hiện đại (xe Mazda) - Mô hình hệ thống điện tổng hợp ô tô hiện đại (xe Mazda) - Mô hình: máy khởi động (to+nhỏ) - Mô hình hệ thống chiếu sáng - Mô hình hệ thống điều khiển gương + gạt nước, fun nước + Nâng hạ kính - Sa bàn hệ thống chiếu sáng tín hiệu trên xe HUYNDAI - Sa bàn hệ thống chiếu sáng tín hiệu trên xe TOYOTA - Sa bàn hệ thống điện xe KIA - Sa bàn hệ thống điện xe NISSAN - Sa bàn hệ thống điều hòa xe NISSAN 	
28	Phòng thực hành/thực nghiệm động cơ ô tô	<ul style="list-style-type: none"> - Mô hình cắt bỏ: Bơm cao áp dây - Mô hình cắt bỏ: Bơm cao áp xe TOYOTA - Mô hình cắt bỏ: Động cơ xăng 2 kỳ - Mô hình cắt bỏ: Động cơ xăng 4 kỳ - Mô hình cắt bỏ: Động cơ xe máy 2 kỳ - Mô hình cắt bỏ: Động Dizen 4 kỳ - Mô hình cắt bỏ: TURBO tăng áp - Mô hình cắt bỏ: Bơm xăng kiểu màng - Mô hình: Máy phát điện xoay chiều - Mô hình: Máy nén điều hòa - Động cơ KOMATSU 	CNKT ô tô

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
		<ul style="list-style-type: none"> - Động cơ MAZDA - Động cơ NISSAN TURBO - Động cơ nổ TOYOTA - Bộ thí nghiệm thực hành sửa chữa động cơ loại phun xăng điện tử, đánh lửa trực tiếp - Bộ thí nghiệm thực hành sửa chữa động cơ xăng 	
29	Phòng thực hành/thực nghiệm gầm ô tô	<ul style="list-style-type: none"> - Cầu mini 2 tấn - Mô hình cắt bỏ: Hộp số năm cấp truyền - Mô hình cắt bỏ: Hộp số tự động Toyota - Hộp số CVT Nissan - Mô hình cắt bỏ: Giảm chấn - Mô hình cắt bỏ: Tổng phanh dầu - Bàn máy 0,4x0,3; 0,6x0,4; 0,7x0,5 - Xe nâng 1,5 tấn - Hộp số tự động (lắp vào động cơ 5S-FE) - Bộ thí nghiệm thực hành sửa chữa hệ thống phanh ABS - Bộ thí nghiệm thực hành sửa chữa hệ thống treo lái, trợ lực điện - Bộ thí nghiệm thực hành sửa chữa hệ hộp số tự động + <i>Thiết bị cơ sở (Giá đỡ động cơ)</i> + <i>Hộp số cho thực hành</i> 	CNKT ô tô
30	Trung Tâm Đào tạo Kỹ Thuật Toyota - Khoang đào tạo KTV sửa chữa chung	<ul style="list-style-type: none"> - Xe ô tô Corolla 2008 màu trắng MT (Số máy: 1ZZ 4733290) - Hộp số - Tủ dụng cụ Toyota - Bộ dụng cụ tiêu chuẩn Toyota - Bộ văm B - Bộ văm C 	CNKT ô tô

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
		<ul style="list-style-type: none"> - Hộp số cắt C50 - Bộ thực hành điện tử - Bộ thực hành điện - Chi tiết cắt hệ thống điện động cơ - Cần cầu nhỏ - Máy ép thủy lực 20T - Bình chứa bơm dầu - Cụm động cơ 1NZ-FE 	
31	Trung Tâm Đào tạo Kỹ Thuật Toyota - Khoang đào tạo KTV sửa chữa thân xe và sơn	<ul style="list-style-type: none"> - Thân xe Inova - Máy hàn MIG - MAG - Dụng cụ sửa chữa thân xe - Dụng cụ mài và hút bụi - Buồng pha sơn - Dàn khuấy sơn - Dụng cụ cân và pha sơn - Buồng phun thử - Buồng sơn nhanh 	CNKT ô tô
32	Phòng thí nghiệm, thực hành/thực nghiệm ngành Công nghệ may	<ul style="list-style-type: none"> - Máy may một kim Juki DDL – 5550 - Máy may một kim Juki DDL – 8700 - Máy may một kim Juki DDL – 8100 e - Máy may một kim Brother - Máy may một kim điện tử Juki DDL –9000 BMS - WB - Máy may một kim cắt chỉ tự động Sun Star - Máy may một kim cắt chỉ tự động Sun Fly - Máy may hai kim di động - Máy may hai kim cố định - Máy may Ziczac LZ – 2284N - Máy may vắt sổ 5 chỉ Juki Mo 2316 - Máy may vắt sổ 5 chỉ TY 757 - Máy may vắt sổ 5 chỉ GN20 - 5 - Máy vắt sổ 4 chỉ Yamato 	Công nghệ dệt, may

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
		<ul style="list-style-type: none"> - Máy vắt số 4 chỉ Pegasus - Máy may thùa khuyết đầu bằng LBH-792-1 - Máy may thùa khuyết đầu bằng LBH- 791-1 - Máy may thùa khuyết đầu bằng LBH-781 - Máy thùa khuyết đầu tròn - Máy may đính cúc Juki MB 373 - Máy may Kansai 3 kim Yamato - Máy trần đè 2 kim TY 007J - Máy may Kansai 12 kim - Máy may đính bọ Juki - Máy vắt gấu Juki - Máy may đính đính bọ điện tử Brother - Máy cắt vải đẩy tay Mack 106614 - Máy cắt vòng PC- 700A - Máy cắt vải đầu bàn JIE SHI - Máy dập ôre - Máy ép mex HASHIMA - Máy chế tạo đồ gá - Máy tính được cật đặt phần mềm chuyên ngành AccuMark, Lectra, Optitex, Coreldraw - Bảng số hoá - Manocanh công nghiệp - Máy chiếu đa năng 	
33	Phòng thí nghiệm Phân tích Thực phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Máy quang phổ UV-vis - Máy COD, tủ BOD - Máy khuấy từ - Máy đo độ nhớt - Hệ thống cất chân không - Máy ép mẫu thủy lực - Bộ sàng rung - Hệ thống cất quay chân không - Hệ thống cất nước - Máy PCR - Cyeler-25 	Công nghệ thực phẩm

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
		<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống điện di - Bàn soi gel MUV21 - Máy lắc vortex Classic - Kính hiển vi quang học olympus - Thiết bị thanh trùng, tiệt trùng - Thiết bị ly tâm lạnh tốc độ cao - Tủ an toàn vi sinh - Tủ nuôi cấy vi sinh vật - Máy lắc ngang - Thiết bị cất đạm - Kjeldahn - Thiết bị cất Lipid – Soxlet - Hệ thống xác định glucid (chất xơ, bột, đường) - Máy sấy 	
34	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật thực phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị ghép mí - Thiết bị thanh trùng, tiệt trùng - Thiết bị đun, ép, khuấy - Thiết bị đồng hóa sữa, nước ép - Hệ thống nướng bánh - Hệ thống cô đặc chân không - Hệ thống lên men bia, rượu. - Tủ khí hậu - Máy khử độc rượu - Máy thanh trùng UV - Thiết bị lên men đa năng - Thiết bị nhồi xúc xích - Thiết bị khuấy kem - Thiết bị xay thịt - Máy sấy thực phẩm 	Công nghệ thực phẩm
35	Xưởng thực nghiệm sản xuất thực phẩm và đồ uống	<ul style="list-style-type: none"> - Dây chuyền sản xuất nước tinh khiết đóng bình, đóng chai. - Kho bảo quản lạnh 10m³ - Phòng khí hậu kiểm soát nhiệt độ, ẩm độ và ánh sáng. - Tủ sấy hồng ngoại - Tủ sấy lạnh - Máy gép nắp chai, lon - Thiết bị thanh trùng nhiệt - Máy lọc bã 	Công nghệ thực phẩm

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
		<ul style="list-style-type: none"> - Máy ép, máy nghiền thực phẩm - Máy ép dầu thủy lực. 	
36	Phòng thực hành kế toán	<ul style="list-style-type: none"> - Phần mềm kế toán - Máy tính - Ti vi Plasma Samsung - Máy chiếu Projector - Mô hình phòng kế toán - Các chứng từ hoá đơn 	Kế toán, Quản trị kinh doanh
37	Phòng thực hành giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> - Máy tính - Ti vi Plasma Samsung - Mô hình phòng giao dịch chứng khoán 	Kế toán, Quản trị kinh doanh
38	Phòng thực hành ngoại ngữ	<ul style="list-style-type: none"> - Máy chiếu Projector - Phần mềm học tiếng Anh - Máy nghe nhìn - Máy điều khiển - Máy chủ HP Prolaint ML10 Server - Thiết bị router CISCO 2901 - Thiết bị switch 24 port - Thiết bị test mạng, thiết bị wifi - Máy vi tính 	Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc, Việt Nam học
39	Phòng thí nghiệm vật lý	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ thí nghiệm khảo sát hệ chuyên động hệ tịnh tiến quay xác định mômen quán tính của bánh xe và lực ma sát ô trục. - Bộ thí nghiệm khảo sát dao động của con lắc vật lý. Xác định gia tốc trọng trường - Bộ thí nghiệm khảo sát quá trình cân bằng nhiệt động. Xác định tỷ số nhiệt dung phân tử của chất khí. - Bộ thí nghiệm khảo sát hiện tượng nội ma sát. Xác định hệ số nhớt của chất lỏng. - Bộ thí nghiệm làm quen với các dụng cụ đo điện (Multimeter). Khảo sát mạch điện một chiều và xoay chiều - Bộ thí nghiệm đo điện trở bằng mạch cầu một chiều. Đo suất điện động bằng mạch xung đối 	Khối ngành chung

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
		<ul style="list-style-type: none"> - Bộ thí nghiệm khảo sát mạch cộng hưởng RLC - Bộ thí nghiệm khảo sát chuyển động của electron trong điện trường và từ trường. Xác định điện tích riêng của electron. - Bộ thí nghiệm khảo sát hiện tượng giao thoa ánh sáng cho bởi khe Young. Xác định bước sóng của tia Laser. - Bộ thí nghiệm khảo sát hiện tượng phân cực ánh sáng. Nghiệm định luật Malus.(có thể ghép nối với máy tính) -Bộ thí nghiệm khảo sát hiện tượng quang điện ngoài. Xác định hằng số Planck. 	

1.3. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

- Nhà trường có 01 trung tâm thông tin thư viện với tổng diện tích 600m², các phòng nghiệp vụ được trang bị hiện đại bao gồm: phòng đọc 200 chỗ, 1 phòng máy với trên 100 máy tính kết nối mạng, phòng nghiên cứu với 3.273 đầu sách.

- Trung tâm sử dụng hệ quản trị thư viện Libol 6.0 sử dụng công nghệ mã vạch để quản lý hoạt động thư viện. Nhà trường đã xây dựng trang Website thư viện để phục vụ cho sinh viên. Ngoài ra thư viện của trường còn kết nối với cổng thông tin điện tử lhtv.vista.vn, thư viện đại học Quốc gia, giúp cho sinh viên, học viên của trường tra cứu, sử dụng tài liệu để nghiên cứu và học tập.

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số đầu sách	Số lượng
1	Nhóm ngành III	439	9034
2	Nhóm ngành V	1826	40819
3	Nhóm ngành VII	246	6773
4	Sách ngoại văn	762	1307

1.4. Danh sách giảng viên cơ hữu (Theo phụ lục đính kèm)

III. Các thông tin của năm tuyển sinh

1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học chính quy

1.1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp và được công nhận hoàn thành các môn văn hoá trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Có sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành.

1.2. Phạm vi tuyển sinh

- Thí sinh trên phạm vi cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh năm 2020

Nhà trường thực hiện đồng thời hai phương thức tuyển sinh cho các ngành đào tạo:

1.3.1. Phương thức 1: Xét tuyển Đại học chính quy theo tổ hợp môn xét tuyển dựa vào kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020

- Căn cứ vào kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT của thí sinh để xét tuyển cho tất cả các ngành đào tạo đại học.

- Điểm xét tuyển là tổng điểm các môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp môn xét tuyển và điểm ưu tiên đối tượng, khu vực.

- Xét tuyển từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.

- Quy trình xét tuyển đợt 1 và đợt bổ sung được thực hiện theo đúng quy định.

1.3.2. Phương thức 2: Xét tuyển Đại học chính quy dựa vào kết quả học tập THPT

Căn cứ vào kết quả học tập THPT để xét tuyển cho tất cả các ngành đào tạo đại học, theo 2 hình thức:

- Hình thức 1: Xét tổng điểm trung bình học tập các môn lớp 10, lớp 11, học kỳ 1 lớp 12 và điểm ưu tiên (đối tượng, khu vực).

- Hình thức 2: Xét tổng điểm trung bình 3 môn lớp 12 theo tổ hợp môn xét tuyển và điểm ưu tiên (đối tượng, khu vực).

- Xét tuyển từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Năm 2020, trường thực hiện đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh với Bộ Giáo dục và Đào tạo **1200 chỉ tiêu** đại học chính quy.

Chỉ tiêu được phân bổ cho 2 phương thức xét tuyển:

Phương thức 1: Xét tuyển theo khối dựa vào kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT: 50% chỉ tiêu.

Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT của thí sinh: 50% chỉ tiêu.

a) Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số quyết định mở ngành	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định mở ngành	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm tuyển sinh đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	7480201	Công nghệ thông tin	2337/QĐ-BGDĐT	10/06/2010	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2010	2019
2	7340101	Quản trị kinh doanh	2337/QĐ-BGDĐT	10/06/2010	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2010	2019
3	7510201	CNKT cơ khí	2337/QĐ-BGDĐT	10/06/2010	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2010	2019
4	7510205	CNKT ô tô	2337/QĐ-BGDĐT	10/06/2010	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2010	2019
5	7510301	CNKT điện, điện tử	2337/QĐ-BGDĐT	10/06/2010	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2010	2019
6	7510302	CNKT điện tử, viễn thông	2337/QĐ-BGDĐT	10/06/2010	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2010	2019
7	7340301	Kế toán	578/QĐ-BGDĐT	11/02/2011	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2011	2019
8	7540101	Công nghệ thực phẩm	578/QĐ-BGDĐT	11/02/2011	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2011	2019
9	7540204	Công nghệ dệt, may	578/QĐ-BGDĐT	11/02/2011	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2011	2019
10	7220201	Ngôn ngữ Anh	533/QĐ-BGDĐT	10/02/2012	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2012	2019
11	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	533/QĐ-BGDĐT	10/02/2012	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2012	2019
12	7310630	Việt Nam học	533/QĐ-BGDĐT	10/02/2012	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2012	2018
13	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	536/QĐ-BGDĐT	22/02/2016	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2016	2019

b) Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/nhóm ngành/khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)
1	ĐH	7340301	Kế toán	60
2	ĐH	7340101	Quản trị kinh doanh	60
3	ĐH	7510201	CNKT cơ khí	140
4	ĐH	7510205	CNKT ô tô	180
5	ĐH	7510301	CNKT điện, điện tử	170
6	ĐH	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	140
7	ĐH	7480201	Công nghệ thông tin	70
8	ĐH	7510302	CNKT điện tử, viễn thông	60
9	ĐH	7540101	Công nghệ thực phẩm	60
10	ĐH	7540204	Công nghệ dệt, may	60
11	ĐH	7220201	Ngôn ngữ Anh	50
12	ĐH	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100
13	ĐH	7310630	Việt Nam học	50

1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Phương thức 1: Xét tuyển Đại học chính quy theo tổ hợp môn xét tuyển dựa vào kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020

- + Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- + Nhà trường công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào khi có kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

- Phương thức 2: Xét tuyển Đại học chính quy dựa vào kết quả học tập THPT

- + Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- + Hình thức 1: Xét tổng điểm trung bình học tập các môn lớp 10, lớp 11, học kỳ 1 lớp 12 và điểm ưu tiên (đối tượng, khu vực) đạt từ 18,0 điểm trở lên cho các ngành đào tạo.
- + Hình thức 2: Tổng điểm trung bình 3 môn lớp 12 theo tổ hợp môn xét tuyển và điểm ưu tiên (đối tượng, khu vực) đạt từ 20,0 điểm trở lên cho các ngành đào tạo.

1.6. Ngành học, ký hiệu trường, mã ngành và tổ hợp môn xét tuyển

Tên trường, ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ	SDU		
Các ngành đào tạo đại học:			
Công nghệ kỹ thuật cơ khí		7510201	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A09: Toán, Địa lý, GDCD C01: Toán, Vật lý, Ngữ văn D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
Công nghệ kỹ thuật ô tô		7510205	
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		7510301	
Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá		7520216	
Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông		7510302	
Công nghệ thông tin		7480201	
Quản trị kinh doanh		7340101	
Kế toán		7340301	
Công nghệ dệt, may		7540204	
Công nghệ thực phẩm		7540101	
Việt Nam học (Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch)		7310630	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý C20: Ngữ văn, Địa lý, GDCD D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
Ngôn ngữ Anh		7220201	D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh D66: Ngữ văn, GDCD, Tiếng Anh
Ngôn ngữ Trung Quốc		7220204	D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh D66: Ngữ văn, GDCD, Tiếng Anh D71: Ngữ văn, GDCD, Tiếng Trung

1.7. Tổ chức tuyển sinh

1.7.1. Thời gian tuyển sinh

- Phương thức 1: Xét tuyển Đại học chính quy sử dụng kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT

Trường thực hiện thời gian tuyển sinh đợt 1 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thời gian xét tuyển bổ sung: Từ 28/9 đến 15/12/2020

- Phương thức 2: Xét tuyển Đại học chính quy dựa vào kết quả học tập THPT

Thời gian nhận hồ sơ và xét tuyển:

+ Đợt 1: Từ 05/5 đến 15/9/2020

+ Đợt 2: Từ 16/9 đến 10/10/2020

+ Đợt 3: Từ 11/10 đến 30/10/2020

+ Đợt 4: Từ 01/11 đến 20/11/2020

+ Đợt 5: Từ 21/11 đến 15/12/2020

Sau khi xét tuyển, trường Đại học Sao Đỏ công bố các kết quả xét tuyển trên website: saodo.edu.vn của trường.

1.7.2. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

Phương thức 1: Xét tuyển Đại học chính quy theo tổ hợp môn xét tuyển dựa vào kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020

+ Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Bộ GD&ĐT, thí sinh nộp cùng hồ sơ đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT năm 2020.

Phương thức 2: Xét tuyển Đại học chính quy dựa trên kết quả học tập THPT

- Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu (thí sinh có thể tải trên Website nhà trường: saodo.edu.vn).

- Bản photo học bạ THPT.

- Bản photo bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời.

- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

1.7.3. Hình thức đăng ký xét tuyển

Thí sinh đăng ký xét tuyển theo một trong các hình thức sau:

- Đăng ký xét tuyển trực tuyến đại học, cao đẳng chính quy qua Website nhà trường:

- Đăng ký cùng hồ sơ dự thi tốt nghiệp THPT năm 2020.

- Đăng ký qua đường bưu điện theo hình thức gửi hồ sơ chuyển phát nhanh.

- Đăng ký trực tiếp tại phòng Công tác tuyển sinh – Trường Đại học Sao Đỏ

Địa chỉ: Phòng Công tác tuyển sinh: Số 24, Phố Thái Học 2, Phường Sao Đỏ, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 02203 882 402 hoặc 0983 884 182 - 0966 210 888

Email: tuyensinhhdhsd@gmail.com

Website: saodo.edu.vn

1.8. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

Thực hiện theo quy định trong quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.9. Lệ phí xét tuyển

Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy và lộ trình tăng học phí tối đa theo từng năm

Học phí thu theo tín chỉ:

- Khối ngành Kinh doanh và quản lý, Nhân văn: 285.000 đồng/tín chỉ

- Khối ngành Công nghệ, Kỹ thuật: 340.000 đồng/tín chỉ

1.11. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển đại học chính quy năm 2020

Địa chỉ Website của trường: saodo.edu.vn

Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Trần Hải Đăng	Trưởng phòng	0983884182	dangetts@gmail.com
2	Nguyễn Danh Đạo	Phó trưởng phòng	0966210888	daolienquan@gmail.com
3	Nguyễn Thị Hoa Mai	Chuyên viên	0976350814	hoamai.tm@gmail.com

1.12. Thông tin triển khai đào tạo ưu tiên trong đào tạo nguồn nhân lực Du lịch/Công nghệ thông tin trình độ đại học (không có)

1.13. Tình hình việc làm

1.13.1. Năm 2018

Nhóm ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh			Số SV trúng tuyển nhập học			Số SV tốt nghiệp			Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh (%)		
	ĐH	CDSP	TCSP	ĐH	CDSP	TCSP	ĐH	CDSP	TCSP	ĐH	CDSP	TCSP
Nhóm ngành I												
Nhóm ngành II												
Nhóm ngành III	300			236			181			74.6		
Nhóm ngành IV												
Nhóm ngành V	1500			1108			864			81.9		
Nhóm ngành VI												
Nhóm ngành VII	200			101			80			95		
Tổng	2000			1445			1125			81.7		

1.13.2. Năm 2019

Nhóm ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh			Số SV trúng tuyển nhập học			Số SV tốt nghiệp			Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh		
	ĐH	CDSP	TCSP	ĐH	CDSP	TCSP	ĐH	CDSP	TCSP	ĐH	CDSP	TCSP
Nhóm ngành I												
Nhóm ngành II												
Nhóm ngành III	300			106			76			67.1		
Nhóm ngành IV												
Nhóm ngành V	1500			1030			752			85.1		
Nhóm ngành VI												
Nhóm ngành VII	200			37			24			91.7		
Tổng	2000			1173			852			83.7		

1.14. Tài chính:

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 62.909.861.000 đồng/năm.
- Tổng học phí trung bình của 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 12.000.000 đồng/năm.

2. Tuyển sinh liên thông chính quy, vừa làm vừa học: Từ cao đẳng lên đại học

2.1. Đối tượng tuyển sinh

- Người đã tốt nghiệp cao đẳng

2.2. Phạm vi tuyển sinh

- Thí sinh trên phạm vi cả nước

2.3. Phương thức tuyển sinh

Nhà trường tổ chức thi tuyển sinh 3 môn: Toán, cơ sở ngành và chuyên ngành.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: 200 chỉ tiêu, được phân bổ cho các ngành, cụ thể:

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học
1	Trình độ đại học	7510301	CNKT điện, điện tử
2	Trình độ đại học	7510201	CNKT cơ khí
4	Trình độ đại học	7510205	CNKT ô tô
5	Trình độ đại học	7480201	Công nghệ thông tin
6	Trình độ đại học	7340301	Kế toán
7	Trình độ đại học	7340101	Việt Nam học

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐK thi tuyển.

- Tổng điểm 3 môn thi tuyển và điểm ưu tiên (đối tượng, khu vực) đạt từ 15,0 điểm trở lên cho các ngành đào tạo.

- Xét điểm từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.

- Điều kiện nhận hồ sơ đăng ký thi tuyển: Thí sinh đã tốt nghiệp cao đẳng.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường

2.7. Tổ chức tuyển sinh

2.7.1. Thời gian tuyển sinh

Thời gian nhận hồ sơ và xét tuyển:

+ Đợt 1: Từ tháng 3 đến tháng 5/2020

+ Đợt 2: Từ tháng 6 đến tháng 9/2020

+ Đợt 3: Từ tháng 10 đến tháng 12/2020

2.7.2. Hồ sơ đăng ký thi tuyển

Hồ sơ đăng ký thi tuyển gồm có:

- Phiếu đăng ký dự thi theo mẫu của trường (thí sinh có thể tải trên website)

- Bằng tốt nghiệp cao đẳng (bản sao) hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời năm 2020.

- Bảng điểm kết quả học tập cao đẳng (bản sao).

- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

- 02 ảnh 4x6 (Ghi rõ họ và tên, ngày tháng năm sinh sau ảnh).

2.8. Lệ phí thi tuyển

Lệ phí đăng ký dự thi tuyển sinh: 50.000 đ/hồ sơ

Lệ phí thi tuyển sinh: 35.000 đ/môn

2.9. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy và lộ trình tăng học phí tối đa theo từng năm

Học phí thu theo tín chỉ:

- Khối ngành Kinh doanh và quản lý, Nhân văn: 285.000 đồng/tín chỉ

- Khối ngành Công nghệ, Kỹ thuật: 340.000 đồng/tín chỉ

3. Tuyển sinh trình độ đại học đối với người đã có bằng tốt nghiệp đại học

3.1. Đối tượng tuyển sinh

- Người đã có bằng tốt nghiệp đại học.

3.2. Phạm vi tuyển sinh

- Thí sinh trên phạm vi cả nước.

3.3. Phương thức tuyển sinh

- Nhà trường tổ chức thi tuyển sinh 2 môn: Tiếng Anh và Triết học Mác – Lê nin

3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Ngành Ngôn ngữ Anh: 30 chỉ tiêu

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học
1	Trình độ đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh

3.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐK thi tuyển

- Tổng điểm 2 môn thi tuyển và điểm ưu tiên (đối tượng, khu vực) đạt từ 11,0 điểm trở lên.

- Xét điểm từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.

3.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký dự thi vào các ngành của trường

3.7. Tổ chức tuyển sinh

3.7.1. Thời gian tuyển sinh

- Đợt 1: Từ tháng 3 đến tháng 7/2020
- Đợt 2: Từ tháng 8 đến tháng 12/2020

3.7.2. Hồ sơ đăng ký thi tuyển

Hồ sơ đăng ký thi tuyển gồm có:

- Phiếu đăng ký dự thi theo mẫu của trường (thí sinh có thể tải trên website)
- Bằng tốt nghiệp đại học (bản sao) hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời năm 2020.
- Bảng điểm kết quả học tập đại học (Bản sao).
- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).
- 02 ảnh 4x6 (Ghi rõ họ và tên, ngày tháng năm sinh sau ảnh).

3.8. Lệ phí thi tuyển

Lệ phí đăng ký dự thi tuyển sinh: 60.000 đ/hồ sơ

Lệ phí thi tuyển sinh: 120.000 đ/môn

3.9. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy và lộ trình tăng học phí tối đa theo từng năm

- Học phí thu theo tín chỉ: 340.000 đồng/tín chỉ

4. Tổ chức thực hiện

Nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh đúng quy định của Quy chế tuyển sinh đại học chính quy, các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường ban hành các Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh, các Ban giúp việc; các văn bản quy định, hướng dẫn về công tác tuyển sinh; mẫu hồ sơ đăng ký xét tuyển sinh...

- Hội đồng tuyển sinh của trường do Hiệu trưởng làm Chủ tịch Hội đồng. Hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo toàn bộ hoạt động tuyển sinh của trường.

- Hội đồng tuyển sinh có các Ban giúp việc: Ban thư ký, Ban thanh tra, Ban cơ sở vật chất,...

- Chuẩn bị nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, văn phòng phẩm, an ninh cho việc tổ chức xét tuyển,...

- Phối hợp với các cơ quan truyền thông để tổ chức tư vấn rộng rãi về phương thức tuyển sinh mới tới thí sinh, lịch tuyển sinh cụ thể từng đợt, đồng thời tổ chức tư vấn tuyển sinh trực tuyến thường xuyên trên trang Website của trường.

- Thông tin tuyển sinh của trường bao gồm: tên trường, ký hiệu trường, địa chỉ liên hệ, trình độ đào tạo, ngành đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tiêu chí xét tuyển, nội dung xét tuyển, thời gian xét tuyển, vùng tuyển và các thông tin liên quan khác.

- Hoàn thiện phần mềm đăng ký xét tuyển, chuẩn bị đầy đủ hạ tầng cơ sở thông tin cho vận hành hệ thống, trợ giúp kỹ thuật cho thí sinh trong quá trình đăng ký xét tuyển và sử dụng tiện ích của hệ thống.

5. Cam kết của nhà trường

- Nhà trường tổ chức tuyển sinh theo đúng Quy chế và sự chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thực hiện nghiêm túc, an toàn, đúng quy định trong tất cả các khâu của công tác tuyển sinh.
- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan và chống mọi hiện tượng tiêu cực.
- Công bố rộng rãi, công khai các thông tin về hoạt động tuyển sinh của trường để xã hội, phụ huynh và thí sinh theo dõi, giám sát.
- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kịp thời. Kết thúc kỳ tuyển sinh, trường tiến hành tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Xử lý nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật các hiện tượng tiêu cực, hành vi vi phạm Quy chế.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH